|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC**  *(Đề thi có 04 trang)*  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **KỲ KHẢO SÁT THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022 – LẦN 1**  **MÔN: ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian giao đề* |

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2018

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Thái Lan** | **Phi-lip-pin** | **In-đô-nê-xi-a** | **Ma-lai-xi-a** |
| Số dân *(triệu người)* | 69,1 | 106,6 | 265,0 | 32,4 |
| Sản lượng điện *(tỉ kWh)* | 204,4 | 99,8 | 276,9 | 170,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có sản lượng điện bình quân đầu người năm 2018 cao nhất?

**A.** Thái Lan. **B.** Phi-lip-pin. **C.** In-đô-nê-xi-a. **D.** Ma-lai-xi-a.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Cà Mau. **B.** Bạc Liêu. **C.** Kiên Giang. **D.** Sóc Trăng.

**Câu 43:** Căn cứvào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Sơn La. **B.** Lai Châu. **C.** Nam Định. **D.** Điện Biên.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

**A.** Cửa Gianh. **B.** Cửa Hội. **C.** Cửa Lạch Trường. **D.** Cửa Nhật Lệ.

**Câu 45:** Lũ quét ở nước ta

**A.** tập trung trong mùa mưa. **B.** xảy ra ở đồng bằng rộng.

**C.** chỉ gây thiệt hại về người. **D.** luôn được dự báo chính xác.

**Câu 46:** Nguồn lao động của nước ta hiện nay

**A.** chỉ tập trung ở thành thị. **B.** phân bố đều giữa các vùng.

**C.** có trình độ tay nghề rất cao. **D.** có số lượng tăng hàng năm.

**Câu 47:** Ven biển nước ta có dạng địa hình nào sau đây?

**A.** Cồn cát, vịnh nước sâu. **B.** Bãi cát phẳng, khe suối.

**C.** Cao nguyên, bãi triều. **D.** Đầm phá, đồi trung du.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Nghệ An có cảng biển nào sau đây?

**A.** Vũng Áng. **B.** Cửa Lò. **C.** Nhật Lệ. **D.** Thuận An.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết tỉnh nào sau đây có nhà máy thủy điện A Vương?

**A.** Quảng Nam. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Kon Tum. **D.** Bình Định.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có di sản thiên nhiên thế giới?

**A.** Hà Nội. **B.** Lạng Sơn. **C.** Hạ Long. **D.** Hải Phòng.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô lớn nhất?

**A.** Cần Thơ. **B.** Mỹ Tho. **C.** TP. Hồ Chí Minh. **D.** Long Xuyên.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành chế biến chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều có ở trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

**A.** Rạch Giá. **B.** Cà Mau. **C.** Long Xuyên. **D.** Tây Ninh.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Quảng Nam. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Bình Định. **D.** Phú Yên.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy điện nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Hòa Bình. **B.** Thác Bà. **C.** Phả Lại. **D.** Na Dương.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào có tổng lượng mưa từ tháng XI - IV lớn nhất trong các địa điểm sau đây?

**A.** TP. Hồ Chí Minh. **B.** Móng Cái. **C.** Hà Tiên. **D.** Huế.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây cao trên 2000m?

**A.** Nam Decbri. **B.** Bà Rá. **C.** Braian. **D.** Chư Yang Sin.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng lúa cao nhất trong các tỉnh sau đây?

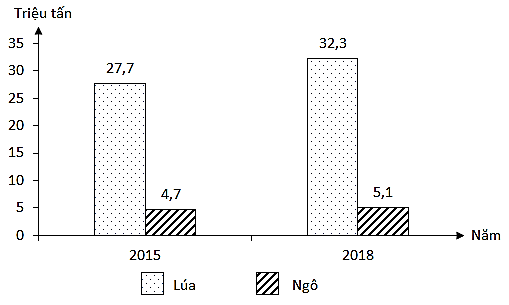
**A.** Quảng Bình. **B.** Quảng Trị. **C.** Nghệ An. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 58:** Dân cư ở miền núi nước ta hiện nay

**A.** có mật độ dân số rất cao. **B.** có nhiều dân tộc khác nhau.

**C.** chiếm phần lớn dân số cả nước. **D.** chỉ sản xuất nông nghiệp.

**Câu 59:** Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG LÚA, NGÔ CỦA THÁI LAN NĂM 2015 VÀ NĂM 2018

*(Số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng lúa, ngô năm 2018 so với năm 2015 của Thái Lan?

**A.** Lúa tăng chậm hơn ngô. **B.** Ngô tăng ít hơn lúa.

**C.** Lúa tăng và ngô giảm. **D.** Ngô tăng gấp hai lần lúa.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 25 gặp đường số 1 ở địa điểm nào sau đây?

**A.** Quảng Ngãi. **B.** Nha Trang. **C.** Tuy Hòa. **D.** Quy Nhơn.

**Câu 61:** Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta là

**A.** trồng rừng, làm ruộng bậc thang. **B.** đào hố vảy cá, trồng cây theo băng.

**C.** thâm canh, chống nhiễm mặn. **D.** làm ruộng bậc thang, thâm canh.

**Câu 62:** Các đô thị ở nước ta hiện nay

**A.** chỉ có chức năng kinh tế. **B.** phân bố đều khắp cả nước.

**C.** hoàn toàn là trung tâm du lịch. **D.** được chia thành nhiều loại.

**Câu 63:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Bình Phước. **B.** Đồng Nai. **C.** Bình Dương. **D.** Tây Ninh.

**Câu 64:** Lãnh thổ nước ta

**A.** tiếp giáp với nhiều đại dương. **B.** nằm trong khu vực Đông Nam Á.

**C.** chỉ chịu ảnh hưởng của gió mùa. **D.** có vùng đất rộng hơn vùng biển.

**Câu 65:** Nhân tố chủ yếu gây ra thời tiết lạnh, ít mưa ở miền Bắc nước ta trong thời gian từ tháng XI đến tháng IV năm sau là

**A.** hoạt động của frông lạnh. **B.** gió mùa Đông Bắc.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc. **D.** dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 66:** Sự mở rộng các đồng bằng châu thổ của nước ta chủ yếu do nhân tố nào sau đây tác động?

**A.** Con người tiến hành đắp đê biển. **B.** Ảnh hưởng của các dòng hải lưu.

**C.** Hiện tượng bồi lắng do sóng biển. **D.** Quá trình bồi tụ của phù sa sông.

**Câu 67:** Thiên nhiên ở vùng đồi núi nước ta phân hóa phức tạp chủ yếu do

**A.** tác động của gió Tây với hướng núi. **B.** tác động của gió mùa với địa hình.

**C.** ảnh hưởng của gió tây nam và bão. **D.** ảnh hưởng của dải hội tụ và độ cao.

**Câu 68:** Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta khác so với phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do tác động của

**A.** gió mùa Đông Nam, vị trí gần chí tuyến Bắc, dải hội tụ.

**B.** vị trí gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc, frông lạnh.

**C.** gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, vị trí gần xích đạo.

**D.** vị trí nằm gần với xích đạo, gió Tây, dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 69:** Các loài sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế ở nước ta chủ yếu do

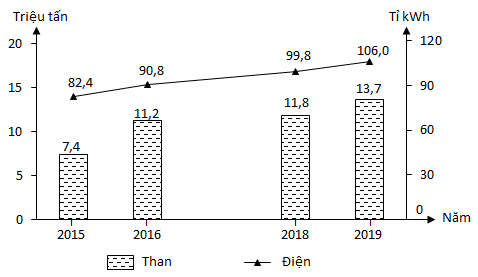
**A.** nằm trong vùng nội chí tuyến, đồng bằng và đồi núi thấp chủ yếu.

**B.** có nhiều cao nguyên rộng lớn, nhiệt độ tăng dần từ bắc vào nam.

**C.** vị trí nằm trên đường di lưu, di cư của sinh vật, địa hình đa dạng.

**D.** số giờ nắng nhiều, lượng mưa phân hóa theo các miền tự nhiên.

**Câu 70:** Cho biểu đồ về than và điện của Phi-lip-pin giai đoạn 2015 - 2019:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng than và điện. **B.** Sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng than và điện.

**C.** Quy mô sản lượng than và điện. **D.** Cơ cấu sản lượng than và điện.

**Câu 71:** Ven biển Trung Bộ mưa nhiều vào cuối mùa hạ chủ yếu do tác động của

**A.** gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới và bão.

**B.** dải hội tụ nhiệt đới, gió từ Bắc Ấn Độ Dương đến, bão.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc, frông lạnh, gió phơn Tây Nam.

**D.** gió mùa Đông Bắc, gió Tây, dải hội tụ nhiệt đới, frông.

**Câu 72:** Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng chủ yếu do tác động của

**A.** các vận động kiến tạo và quá trình ngoại lực. **B.** xâm thực và vận động nâng lên, hạ xuống.

**C.** vận động uốn nếp, đứt gãy và phong hóa. **D.** quá trình bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ.

**Câu 73:** Đầu mùa hạ, Tây Nguyên có mưa chủ yếu do tác động của

**A.** gió mùa Đông Nam. **B.** gió tây nam.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc. **D.** gió mùa Đông Bắc.

**Câu 74:** Sự khác biệt về nền nhiệt trong mùa hạ giữa ven biển Trung Bộ và Tây Nguyên chủ yếu do tác động của

**A.** Tín phong bán cầu Nam và vị trí giáp Biển Đông.

**B.** gió mùa Tây Nam và hướng dãy Trường Sơn.

**C.** Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.

**D.** gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương và địa hình.

**Câu 75:** Đất feralit chiếm tỉ lệ diện tích lớn ở nước ta chủ yếu do

**A.** khí hậu nóng ẩm, địa hình nhiều đồi núi thấp. **B.** nền nhiệt cao, có nhiều đồng bằng châu thổ sông.

**C.** lượng mưa phân mùa, cấu trúc địa hình đa dạng. **D.** độ ẩm không khí cao, nhiều cao nguyên rộng lớn.

**Câu 76:** Vùng núi Đông Bắc có mùa đông kéo dài hơn vùng núi Tây Bắc chủ yếu do tác động của

**A.** lãnh thổ, Tín phong bán cầu Bắc, hướng núi. **B.** vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc và địa hình.

**C.** nằm gần chí tuyến, gió tây nam, độ cao núi. **D.** giáp biển Đông, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ.

**Câu 77:** Từ Đà Nẵng trở vào Nam của nước ta có một mùa khô sâu sắc chủ yếu do tác động của

**A.** Tín phong bán cầu Bắc. **B.** gió phơn Tây Nam.

**C.** gió mùa Đông Nam. **D.** gió thổi từ Xibia về.

**Câu 78:** Giới hạn của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Nam nước ta khác so với miền Bắc chủ yếu do

**A.** gió mùa Đông Bắc, vị trí gần với chí tuyến Bắc, hoạt động của frông.

**B.** nằm ở vĩ độ cao hơn, Tín phong bán cầu Bắc, Tín phong bán cầu Nam.

**C.** Tín phong bán cầu Nam, nằm xa chí tuyến Bắc, có nhiều cao nguyên.

**D.** nằm ở vĩ độ thấp hơn, các gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 79:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CỦA MA-LAI-XI-A GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2016** | **2018** | **2019** |
| Xuất khẩu | 209,3 | 201,2 | 246,0 | 237,8 |
| Nhập khẩu | 186,6 | 181,1 | 221,9 | 210,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Ma-lai-xi-a trong giai đoạn 2015 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Tròn. **B.** Đường. **C.** Cột. **D.** Miền.

**Câu 80:** Phần lãnh thổ phía Nam nước ta nóng quanh năm chủ yếu do tác động của

**A.** vị trí gần xích đạo, Tín phong bán cầu Bắc, gió hướng tây nam.

**B.** thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ.

**C.** gió thổi từ cao áp Xibia, vị trí xa chí tuyến, áp thấp nhiệt đới.

**D.** vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến, frông, gió mùa Tây Nam.

----------- HẾT ----------

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục phát hành;*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41** | **D** | **46** | **D** | **51** | **C** | **56** | **D** | **61** | **C** | **66** | **D** | **71** | **A** | **76** | **B** |
| **42** | **C** | **47** | **A** | **52** | **D** | **57** | **C** | **62** | **D** | **67** | **B** | **72** | **A** | **77** | **A** |
| **43** | **C** | **48** | **B** | **53** | **C** | **58** | **B** | **63** | **A** | **68** | **B** | **73** | **B** | **78** | **D** |
| **44** | **B** | **49** | **A** | **54** | **C** | **59** | **B** | **64** | **B** | **69** | **A** | **74** | **D** | **79** | **D** |
| **45** | **A** | **50** | **C** | **55** | **D** | **60** | **C** | **65** | **B** | **70** | **C** | **75** | **A** | **80** | **A** |